

Chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ từ năm 2007 đến năm 2020

Phan Thị Cẩm Lai*

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài: 13/08/2021, ngày gửi phản biện: 14/12/2021, ngày duyệt đăng: 15/01/2022

Khu vực ven biển Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế biển và hội nhập, được Đảng, Nhà nước xác định là một trong những khu vực có vị trí, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế biển của cả nước. Trong giai đoạn 2007-2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã có những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển, chỉ rõ thành tựu và hạn chế trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực giai đoạn này; trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp có giá trị tham khảo nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển của khu vực trong tương lai.

Từ khóa: Chuyển biến, Đông Nam Bộ, khu vực ven biển, kinh tế - xã hội

Mở đầu

Với đường bờ biển dài 127 km, khu vực ven biển Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế biển và hội nhập. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, là cơ sở thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Kể từ khi Nghị quyết 09-NQ/TW “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” được ban hành vào ngày 9/2/2007, kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2007-2020 đã có những chuyển biến rõ nét. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6,7%/năm, trong đó ngành nông nghiệp tăng 3,5%/năm, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 7,3%/năm và ngành dịch vụ tăng 8,1%/năm (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Cơ cấu các ngành kinh tế đã hình thành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt giao thông đường bộ, cơ bản được đầu tư đồng bộ; các chính sách xã hội được thực hiện tốt; tình hình chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khu vực ven biển Đông Nam Bộ cũng đã đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Trong xu thế đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển nhằm tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập và làm gia tăng mức hưởng thụ các dịch vụ về đời sống xã hội cho cộng đồng cư dân ven biển theo chiến lược phát triển kinh tế biển của đất nước thì việc đánh giá một cách hệ thống toàn cảnh bức

* phanhticamlai@tdmu.edu.vn

tranh kinh tế - xã hội của khu vực ven biển Đông Nam Bộ là cần thiết. Kết quả nghiên cứu không chỉ là minh chứng thực tiễn sinh động cho hiệu quả triển khai, thực hiện “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” mà còn góp phần củng cố, bổ sung lý luận để phát triển các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển của Đảng và Nhà nước ta.

1. Những thành tựu tiêu biểu trong quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội của khu vực

Một là, kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ đạt tốc độ tăng trưởng cao

Mặc dù chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2007, ảnh hưởng từ dịch COVID-19 năm 2020 nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2007-2020 đạt 16,04% (chỉ tiêu 15,71%), tính cả dầu thô và khí đốt thì bình quân đạt 7,2%/năm (chỉ tiêu 7,3%) (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Tốc độ tăng trưởng tích cực phản ánh quá trình chuyển dịch kinh tế theo hướng hiện đại là phù hợp với đặc điểm của tình hình khu vực. Sự tăng trưởng này cũng là điều kiện để tích lũy vốn sản xuất, gia tăng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, tạo thuận lợi để người sản xuất tiếp tục mở rộng đầu tư, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có chất lượng cao.

Bảng 1.1. Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm sau so với năm trước phân theo ngành kinh tế của các địa phương ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007-2020 (Đơn vị: %)

Ngành	2007	2010	2012	2014	2016	2018	2020
Nông, lâm, ngư nghiệp	102,68	107,74	106,89	108,74	108,32	108,17	103,21
Công nghiệp và xây dựng	98,44	101,12	101,22	109,26	111,34	111,32	106,32
Dịch vụ và thương mại	112,57	117,78	117,12	119,75	120,67	120,43	112,54
Giá trị trung bình	104,56	108,88	108,41	112,58	113,44	113,31	107,36

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2007, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 của Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

Giai đoạn 2007-2018, kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ liên tục tăng trưởng cùng sự chuyển dịch cơ cấu phù hợp với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các ngành dịch vụ và thương mại duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhất (từ 112,57% năm 2012 đến 120,43% năm 2018). Các ngành công nghiệp và xây dựng duy trì được mức tăng trưởng tốt từ 98,44% năm 2012 lên 111,32% năm 2018; các ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng ổn định. Năm 2020, dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ. Theo đó, so với năm 2018, tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ và thương mại giảm mạnh nhất với 7,89%, ngành công nghiệp và xây dựng giảm 5,9% và ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm 4,96% (Bảng 1.1). Việc suy giảm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 là xu thế chung không chỉ của khu vực mà còn của cả nước và thế giới. Vì vậy, nếu xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007-2020 thì việc sụt giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 không phải là đặc trưng chung về kinh tế.

Hai là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại

Giai đoạn 2007-2020, cơ cấu ngành kinh tế và thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; tích lũy của nền kinh tế tiếp tục gia tăng, tạo tiền đề cho bước phát triển đi vào chiều sâu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu đạt kết quả tích cực, theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao.

Bảng 1.2. Cơ cấu giá trị sản xuất phân theo ngành kinh tế của các địa phương ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007-2020 (Đơn vị: %)

Ngành	2007	2010	2012	2014	2016	2018	2020
Nông, lâm, ngư nghiệp	9,10	9,91	9,23	5,26	3,78	3,63	3,44
Công nghiệp và xây dựng	78,21	77,34	74,25	65,56	61,04	60,45	61,65
Dịch vụ và thương mại	12,68	12,75	16,52	29,18	35,18	35,92	34,91
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2007, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 của Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

Các ngành công nghiệp và xây dựng (khu vực II) chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất của khu vực ven biển Đông Nam Bộ (năm 2007 chiếm 78,21%, năm 2012 chiếm 74,25%, năm 2014 chiếm 65,56%, năm 2016 chiếm 61,04%, năm 2018 chiếm 60,45% và năm 2020 chiếm 61,65%). Ngành dịch vụ và thương mại (khu vực III) vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao nhất, do vậy tỷ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất có xu hướng tăng từ 12,68% (năm 2007) lên 34,91% (năm 2020). Nông, lâm, ngư nghiệp (khu vực I) giảm dần tỷ trọng qua các năm từ 9,10% năm 2007 xuống 3,44% năm 2020 (Bảng 1.2). Như vậy, trong cơ cấu giá trị sản xuất của khu vực ven biển Đông Nam Bộ, các ngành thuộc khu vực II và III vẫn chiếm tỷ trọng cao. Tuy nhiên, cơ cấu này đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần khu vực I và khu vực II, tăng nhanh tỷ trọng của khu vực III. Sự chuyển dịch này phù hợp với mục tiêu quy hoạch và tiến trình phát triển của khu vực ven biển Đông Nam Bộ.

Sự chuyển biến kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ theo hướng hiệu quả, tích cực cũng thể hiện trong thay đổi tỷ lệ cơ cấu thành phần kinh tế.

Bảng 1.3. Cơ cấu thành phần kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ từ năm 2007-2020 (Đơn vị: %)

	2007	2010	2012	2014	2016	2018	2020
I. Kinh tế nhà nước	22,21	24,27	23,11	22,29	22,32	20,37	16,45
II. Kinh tế ngoài nhà nước	8,91	12,78	15,36	18,24	23,63	41,94	47,98
1. Kinh tế tập thể	0,08	0,16	0,15	0,12	0,42	1,12	2,14
2. Kinh tế tư nhân	4,88	9,44	12,06	14,62	19,34	34,36	39,43
3. Kinh tế cá thể	3,95	3,18	3,15	3,50	3,87	6,46	6,41

III. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	68,89	62,95	61,53	59,47	54,05	37,69	35,57
Tổng	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2007, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 của Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

Giai đoạn 2007-2020, kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần từ 22,21% năm 2007 xuống còn 16,45% năm 2020. Kinh tế tập thể từng bước được củng cố, được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã và xuất hiện mô hình mới phù hợp với thực tế, tỷ trọng có xu hướng gia tăng (từ 0,08% năm 2007 lên 2,14% năm 2020). Kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế cá thể tiếp tục tăng trưởng khá, trong đó khu vực kinh tế tư nhân có sự tăng trưởng cao nhất (tăng từ 4,88% năm 2007 lên 39,43% năm 2020). Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh từ 68,89% năm 2007 xuống còn 35,57% năm 2020 (Bảng 1.3). Có thể thấy, giai đoạn 2007-2020, qua sắp xếp, đổi mới, tuy số lượng và tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp nhà nước trong kinh tế khu vực ven biển Đông Nam Bộ giảm, nhưng quy mô và hiệu quả tăng lên; phát huy được vai trò dẫn dắt thị trường, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn do suy thoái kinh tế toàn cầu. Khu vực kinh tế tập thể phát triển đa dạng các hình thức tổ chức và hoạt động. Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và thu ngân sách. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang chuyển dần sang các ngành thâm dụng vốn và khoa học - công nghệ, đóng góp ngày càng nhiều vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, từng bước giải quyết tốt vấn đề lao động và việc làm

Từ năm 2007-2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ có nhiều biến động về quy mô dân số. Tốc độ gia tăng nguồn lao động tăng trung bình 0,9%/năm (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020), là yếu tố thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội của khu vực. Đến năm 2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã trở thành nơi có quy mô dân số tương đối lớn với thành phần dân cư ngày càng đa dạng và liên tục biến động trong bối cảnh đô thị hóa.

Bảng 1.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007-2020

(Đơn vị: %)

	2007	2010	2012	2014	2016	2018	2020
Lao động chưa qua đào tạo	45,7	40,3	37,0	32,1	27,5	26,3	24,8
Lao động qua đào tạo nghề	27,2	30,7	32,7	34,2	36,7	35,5	34,1
Trình độ trung cấp	9,3	9,7	10,0	11,5	11,8	12,1	12,2
Trình độ cao đẳng	8,3	8,8	9,1	10,2	9,8	10,9	12,8
Trình độ đại học	8,9	9,6	10,1	11,6	12,9	13,7	14,5
Trình độ sau đại học	0,6	0,9	1,1	1,2	1,3	1,5	1,6
Tổng	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2007, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 của Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lao động qua đào tạo của khu vực có chuyên môn tăng từ 27,2% năm 2007 lên 34,1% năm 2020. Nếu xét theo trình độ lao động thì có sự gia tăng tương đối. Theo đó, tỷ lệ lao động trình độ cao đẳng tăng từ 8,3% năm 2007 lên 12,8% năm 2020, lao động trình độ đại học tăng từ 8,9% năm 2007 lên 14,5% năm 2020, lao động trình độ sau đại học tăng từ 0,6% năm 2007 lên 1,6% năm 2020 (Bảng 1.4). Đây là cơ sở quan trọng góp phần đưa năng suất lao động của khu vực cao hơn so với cả nước. Đặc điểm của cư dân ven biển thường có trình độ thấp; đây là điểm hạn chế lớn nhất về nguồn nhân lực phục vụ cho nhiều lĩnh vực kinh tế của khu vực như thủy sản, thương mại, công nghiệp, dịch vụ - du lịch và các ngành nghề đòi hỏi trình độ cao. Vì vậy, sự gia tăng số lượng lao động qua đào tạo ở các trình độ khác nhau trong giai đoạn 2007-2020 phản ánh một phần hiệu quả của các chính sách và chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của chính quyền các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ.

Bốn là, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được quan tâm, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sản xuất và đời sống

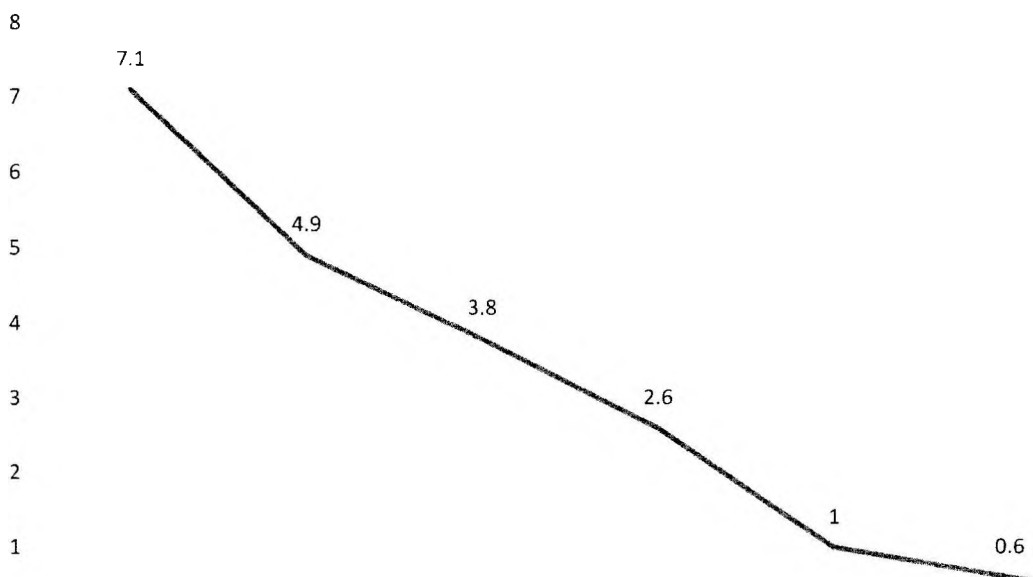
Các địa phương tích cực đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục phổ thông, dạy nghề, giáo dục thường xuyên; chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa, phát huy vai trò của Hội Khuyến học trong phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập. Quy mô đào tạo các cấp học tăng lên, giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề được mở rộng. Trong giai đoạn 2007-2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đã tuyển sinh và đào tạo cho khoảng 418.000 người; việc tuyển sinh chuyên hướng mạnh theo nhu cầu doanh nghiệp và xã hội, tập trung vào các lĩnh vực như: kỹ thuật, du lịch, khách sạn, nhà hàng, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học có việc làm đạt 85%; tỷ lệ giải quyết việc làm sau khi kết thúc đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt trên 80% (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020).

Năm là, lĩnh vực y tế và công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm, đáp ứng nhu cầu của người dân

Đến năm 2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ có 100% phường, xã có bác sĩ. Một số bệnh viện, trung tâm y tế đầu ngành được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ khoa học - kỹ thuật, đã ứng dụng được nhiều kỹ thuật cao trong chẩn đoán và chữa trị. Các địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng khám và điều trị tại các cơ sở y tế như tuyển dụng nhân sự, hỗ trợ đào tạo, thực hiện đề án đào tạo bác sĩ, dược sĩ và nhân viên y tế với 100% các xã, phường, thị trấn có bác sĩ được điều động, luân phiên bác sĩ từ tuyến trên xuống tuyến dưới. Năm 2020, khu vực ven biển Đông Nam Bộ có 7 bệnh viện, 22 phòng khám đa khoa khu vực và 26 trạm y tế xã, thị trấn với tổng số giường bệnh là 762 giường, đạt tỷ lệ 19 giường/1 vạn dân. Trung bình mỗi năm, các bệnh viện và trung tâm y tế khám cho hơn 10.000 lượt người, điều trị nội trú cho hơn 20.000 bệnh nhân. Việc củng cố y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu, triển khai các chương trình y tế quốc gia có hiệu quả; số trẻ tử vong dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi đều giảm, tuổi thọ trung bình của người dân nâng lên trên 72 tuổi (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020).

Sáu là, công tác xóa đói, giảm nghèo và phong trào đền ơn đáp nghĩa được duy trì, phát triển

Các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã phát động phong trào "Xóa đói, giảm nghèo", đề ra các giải pháp phù hợp để đưa phong trào đạt kết quả cao.

Hình 1.1. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007-2020 (Đơn vị: %)

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2007, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 của Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

Hình 1.1 cho thấy tỷ lệ hộ nghèo khu vực ven biển Đông Nam Bộ có xu hướng giảm liên tục từ 7,1% năm 2007 xuống còn 0,3% năm 2020. Việc giảm liên tục tỷ lệ hộ nghèo qua các năm cho thấy nỗ lực cao trong chính sách xóa đói giảm nghèo của chính quyền và nhân dân các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, sức cạnh tranh của nền sản xuất còn kém, việc mở rộng thị trường còn gặp nhiều khó khăn, thị phần tiêu thụ sản phẩm thiếu ổn định. Cụ thể, trong sản xuất công nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn 60% tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020). Điều đó chứng tỏ sản xuất công nghiệp của khu vực ven biển Đông Nam Bộ phụ thuộc rất lớn vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, phát triển kinh tế cảng chưa đồng bộ, tăng trưởng thấp so với quy mô công suất đầu tư. Dịch vụ hậu cần cảng và hạ tầng giao thông kết nối chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của hệ thống cảng. Giai đoạn 2007-2020, số lượng hàng hóa vận chuyển thông qua hệ thống cảng biển tăng cao nhưng lượng hàng container thông quan chỉ đạt 53% so với công suất thiết kế cảng (Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020, tr.36). Việc đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức, công tác nạo vét luồng lạch còn chậm, chưa thành lập trung tâm kiểm tra chuyên ngành tập trung nên ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh và hiệu suất của cụm cảng Cái Mép - Thị Vải.

Thứ ba, chất lượng giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Chất lượng, cơ cấu đào tạo nghề và số lượng đào tạo đội ngũ chuyên gia, lao động kỹ

thuật cao để phục vụ một số ngành kinh tế trọng điểm còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong giai đoạn 2007-2020, các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ tập trung phát triển logistics, tuy nhiên, số lượng chuyên gia và kỹ sư đầu ngành chỉ chiếm 26% so với nhu cầu lấp đầy đội ngũ của ngành (Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020, tr.39).

Thứ tư, sự gia tăng nguồn lực lao động di cư từ các địa phương lân cận đến khu vực để tìm kiếm việc làm, phát triển kinh tế vô tình tạo gánh nặng cho công tác thực hiện các chính sách xã hội, nhất là chăm lo vấn đề nhà ở cho công nhân ở các khu công nghiệp. Theo thống kê của các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ, số lượng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp mới đủ bố trí cho hơn 3.000 lao động, đáp ứng khoảng 19% nhu cầu về nhà ở của công nhân (tính toán của tác giả từ các tài liệu: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020).

3. Một số giải pháp

Thứ nhất, xây dựng lộ trình xác định sản phẩm công nghiệp chủ lực sử dụng công nghệ hiện đại, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh lan tỏa, xác định các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chủ yếu để thu hút đầu tư. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong việc kết nối, trao đổi, khai thác thông tin xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu trực tiếp giữa doanh nghiệp ở địa phương với các doanh nghiệp xuất khẩu, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài nhằm tìm đầu ra cho sản phẩm.

Thứ hai, để phát triển cụm cảng Cái Mép - Thị Vải trở thành cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế, các địa phương khu vực ven biển Đông Nam Bộ cần rà soát lại việc sử dụng nguồn vốn nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài trong các công trình xây dựng hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức, kết nối liên vùng và khu vực, trên cơ sở đó tiến hành xây dựng phương án, kế hoạch điều chỉnh, cơ cấu lại hợp lý, ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược. Bên cạnh đó, cần xúc tiến các thủ tục để khởi động xây dựng đường sắt kết nối cảng, trung tâm kiểm tra chuyên ngành tập trung, phát triển các dự án cảng thủy nội địa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, góp phần tối ưu hóa chi phí sản xuất và mang lại giá trị gia tăng cho các nhà đầu tư.

Thứ ba, thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu để có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, gắn với nhu cầu sử dụng, tăng cường liên kết và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, cao đẳng, đại học, đáp ứng kịp thời số lượng, chất lượng lao động cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Đặc biệt, cần chú trọng hỗ trợ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, nhất là dạy nghề chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ đủ khả năng tiếp thu và làm chủ những công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Thứ tư, quan tâm chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, đặc biệt là kế hoạch phát triển nhà ở xã hội cho công nhân. Khuyến khích thu hút các doanh nghiệp tích cực tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội trên cơ sở tạo môi trường thuận lợi về đất đai, thủ tục hành chính, ưu tiên hỗ trợ bán, cho thuê, cho thuê mua đối với công nhân khu công nghiệp. Đồng thời, nâng cao chất lượng nhà ở xã hội, bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thiết yếu về giao thông, giáo dục, y tế và văn hóa của các dự án.

Kết luận

Khu vực ven biển Đông Nam Bộ đã tận dụng được lợi thế, tiềm năng để tạo nên những chuyên biến kinh tế - xã hội khá nổi bật trong giai đoạn 2007-2020. Cụ thể: (1) Kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao; (2) Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng hiện đại; (3) Giải quyết tốt vấn đề lao động và việc làm; (4) Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ ngày càng góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sản xuất và đời sống; (5) Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của người dân; (6) Công tác xóa đói, giảm nghèo và phong trào đền ơn đáp nghĩa được duy trì, phát triển. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình chuyên biến kinh tế - xã hội của khu vực bao gồm: sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn; năng lực khai thác hệ thống cảng chưa hiệu quả do những yếu kém từ hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm; vấn đề nhà ở xã hội cho công nhân các khu công nghiệp. Để khắc phục những hạn chế và đưa khu vực ven biển trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ và của cả nước trong tương lai, cần có các giải pháp: (1) Xây dựng sản phẩm công nghiệp chủ lực, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại; (2) Rà soát, điều chỉnh và xúc tiến việc đầu tư, xây dựng các công trình giao thông kết nối đa phương thức; (3) Xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút đội ngũ nhân lực khoa học chất lượng cao; (4) Quan tâm chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển. Mặc dù đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ phát triển nhưng kinh tế biển vẫn là động lực tăng trưởng mới và là cơ hội để khu vực có bước phát triển nhảy vọt về chất, tạo nên những chuyên biến kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2018). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2017*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2019). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2018*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2019*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2020*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2018). *Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2017*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2019). *Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2018*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2019*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2020*. Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI*. Lưu tại Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ VII (2021-2025)*. Nxb. Báo Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu.